TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 02 - 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 319/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà A, đường số B, thôn C, xã D, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà A, đường số B, thôn C, xã D, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có 03 người con chung

nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2014 thì vợ chồng bà mâu thuẫn và ly thân cho đến nay đã gần 6 năm. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên rượu chè bê tha, ông thường xuyên đánh đập, xúc phạm danh dự của bà. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H nữa, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông H không phải là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà không tranh chấp. Do phải đi làm ăn ở xa nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn H nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 17/12/2019, đối với bà Nguyễn Thị T, là chị dâu của ông Nguyễn Văn H, bà T trình bày: Các thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, thông báo hoãn phiên họp mà Tòa án giao cho ông H, bà đã nhận thay và giao lại tận tay ông H. Hiện nay ông H đang đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng thỉnh thoảng ông vẫn về địa phương. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H và bà L là do ông H thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và đánh đập bà L. Mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã thật sự trầm trọng.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xem xét tuyên bố bà L và ông H không phải là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng"* và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này"*. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông H nữa, bà mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H. Yêu cầu của bà L là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, cần căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn H.

[b] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà L là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí DSST:

Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025612, ngày 29 tháng 8 năm 2019. Bà L đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THA huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**